

Bản án số: **04/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 11/01/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung

Ông Vũ Xuân Dụ

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày **11/01/2023** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-DS ngày 28/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985; nơi ĐKHKTT: Xóm N, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Xóm 9, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: có mặt chị H; vắng mặt anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa chị Nguyễn Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Nguyễn Thanh H) kết hôn với anh Nguyễn Văn B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2005 tại UBND xã K, huyện K (quê chị H). Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm N, xã V, huyện K. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh P được một thời gian ngắn đã

phát sinh mâu thuẫn do anh B suốt ngày uống rượu say xỉn và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác rồi hắt hủi chị và các con, đánh đập chị rất nhiều lần, nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng, chị đã khuyên bảo anh B nhiều lần về việc chấm dứt mối quan hệ bất chính đó, nhưng anh B không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, mỗi lần như vậy hai bên gia đình lại khuyên bảo, góp ý, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn xảy ra và ngày càng trầm trọng hơn. Do không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên đầu năm 2014 chị phải đưa các con về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 9, xã K để ở cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: chị H xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/6/2008 và cháu Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 28/6/2013. Hiện nay các cháu đang ở với chị H tại xóm 9, xã K, huyện K. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 cháu, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản và nợ chung: chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn B, nơi cư trú tại xóm N, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh B, nhưng anh B không nhận văn bản của Tòa án và không có ý kiến gì khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai cháu Nguyễn Hồng P và cháu Nguyễn Hồng Q đều trình bày trường hợp bố mẹ ly hôn thì cả 02 cháu đều có nguyện vọng xin được ở với chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh: Chính quyền địa phương xã V, huyện K cung cấp: anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thanh H là vợ chồng, anh chị ấy có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K vào năm 2005. Sau khi kết hôn anh chị ấy sinh sống tại xóm N, xã V. Qua nắm bắt tình hình cơ sở thì địa phương được biết vợ chồng anh chị ấy có xảy ra mâu thuẫn, do anh B thường xuyên uống

rượu say rồi về nhà đánh đập vợ con, chị H đã nhiều lần báo Công an xã đến can thiệp, Công an xã đã triệu tập anh B đến nhắc nhở nhiều lần, anh B hứa sửa chữa nhưng sau đó mâu thuẫn vợ chồng vẫn xảy ra. Khoảng năm 2014 chị H và các cháu đã về sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị ấy tại xóm 9, xã K cho đến nay. Hiện nay anh B vẫn sống tại xóm N, xã V kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Về con chung, anh B, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng P, sinh năm 2008 và cháu Nguyễn Hồng Q, sinh năm 2013. Hiện nay các cháu đang ở với chị H tại xóm 9, xã K. Về công việc thì cả anh B, chị H đều là lao động tự do nên thu nhập của anh chị ấy như nào chính quyền địa phương không nắm được.

Chính quyền địa phương xã K, huyện K cung cấp: chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985 quê quán xã K, huyện K. Chị H và anh B làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K vào năm 2005. Sau khi kết hôn chị H cắt khẩu chuyển về nhà chồng ở xóm N, xã V, huyện K sinh sống. Do chị H, anh B không sinh sống tại địa phương, vì vậy mâu thuẫn của anh chị ấy như nào địa phương không nắm được. Qua nắm bắt tình hình cơ sở thì địa phương được biết từ năm 2014 chị H đã đưa hai người con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xóm 9, xã K, huyện K, cũng từ đó không thấy vợ chồng thăm hỏi nhau. Về con chung, anh B, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng P, sinh năm 2008 và cháu Nguyễn Hồng Q, sinh năm 2013. Hiện nay các cháu đang ở với chị H tại xóm 9, xã K. Về công việc thì cả anh B, chị H đều là lao động tự do nên thu nhập của anh chị ấy như nào chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Nguyễn Thanh H ly hôn anh Nguyễn Văn B. Giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/6/2008 và cháu Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 28/6/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không

phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H; anh B có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm N, xã V, huyện K, tỉnh Ninh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh B theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày **28/12/2022** anh Nguyễn Văn B là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày **11/01/2023** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa **và giấy triệu tập đến phiên tòa** nhưng anh Nguyễn Văn B vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thanh H và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2005 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh B và chị H không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh P được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, do anh B thường xuyên uống rượu say xỉn, đánh đập vợ con và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị H biết chuyện đã khuyên bảo anh B nhiều lần về việc chấm dứt mối quan hệ bất chính đó, nhưng anh B không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, mỗi lần như vậy hai bên gia đình lại khuyên bảo, góp ý, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn xảy ra và ngày

càng trầm trọng hơn, chính quyền địa phương đã nhiều lần đến can thiệp. Hiện vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh B đang có mặt tại nơi cư trú xóm N, xã V và anh B đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với anh, nhưng anh B không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhà anh B làm việc, anh B có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, anh không ý kiến gì, kể cả về con cái. Như vậy, giữa anh B và chị H không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, anh B không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân đã nhiều năm nay. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Văn B là phù hợp.

[3] Về con chung: chị H, anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/6/2008 và cháu Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 28/6/2013. Hiện nay các cháu đều đang ở với chị H tại xóm 9, xã K, huyện K từ năm 2014 khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh B không quan tâm gì đến các cháu. Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị; anh B không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và theo nguyện vọng của các cháu. Nguyện vọng của cả hai cháu đều muốn được ở với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận đề nghị của chị H, giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/6/2008 và cháu Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 28/6/2013. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H như sự tự nguyện của chị H và nguyện vọng của các cháu là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh B không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh H và anh Nguyễn Văn B.
2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/6/2008 và cháu Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 28/6/2013 cho chị Nguyễn Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H; anh B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.
3. Về án phí: chị Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004709 ngày 10/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K; chị H đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng